

Phụ lục I.2

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NỘI VỤ

*(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

Mục 1

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mục 1.1

CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

1. Không thực hiện thủ tục:

a) Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài quy định tại Điều 22 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Nghị định số 112/2021/NĐ-CP); khoản 2 Điều 11 và khoản 7 Mục 3 Phụ lục II Nghị định số 128/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ (Nghị định số 128/2025/NĐ-CP).

b) Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài quy định tại Điều 21 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP; khoản 1 Điều 11 và khoản 6 Mục 3 Phụ lục II Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp thực hiện thông báo đáp ứng điều kiện hoạt động đưa người lao động đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài:

a) Trước khi thực hiện hoạt động đưa người lao động đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài, doanh nghiệp thực hiện việc thông báo trực tuyến về việc đáp ứng điều kiện hoạt động đưa người lao động đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

b) Ngay sau khi doanh nghiệp thực hiện việc thông báo trực tuyến tại điểm a khoản này thành công, doanh nghiệp được phép hoạt động đưa người lao động đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài đã thông báo.

c) Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động đưa người lao động đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài đã thông báo đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp thực hiện thông báo chấm dứt hoạt động trực tuyến. Sau khi thông báo chấm dứt hoạt động thành công, doanh nghiệp không phải duy trì các điều kiện tương ứng quy định tại Điều 20 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

d) Trong trường hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gặp sự cố đường truyền, kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng làm gián đoạn quá trình thực hiện quy định thông báo tại khoản này, doanh nghiệp nộp 01 bản giấy Thông báo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I.2 Nghị quyết này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và Bộ Nội vụ.

Mục 1.2

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

1. Thời hạn giải quyết thủ tục Hỗ trợ lao động trong một số trường hợp rủi ro khi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải về nước trước thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 3 điều 12, khoản 3 Điều 15 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước (Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg)

a) Trường hợp hỗ trợ người lao động phải về nước trước thời hạn do bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật đến mức không còn khả năng tiếp tục làm việc ở nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg

Trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và thực hiện hỗ trợ theo đề nghị của người lao động. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp hỗ trợ người lao động phải về nước trước hạn vì người sử dụng lao động ở nước ngoài bị giải thể, phá sản hoặc thu hẹp sản xuất do thiên tai, dịch bệnh, bất ổn chính trị, chiến tranh, suy thoái kinh tế hoặc vì lý do bất khả kháng khác quy định tại khoản 3 Điều 11 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg

Trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và thực hiện hỗ trợ theo quy định. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp hỗ trợ người lao động phải về nước trước thời hạn do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi bị người sử dụng lao động ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe hoặc bị quấy rối tình dục trong thời gian làm việc ở nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 12 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg.

Trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và thực hiện hỗ trợ theo quy định. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trường hợp hỗ trợ đào tạo chuyên đổi nghề cho người lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg.

Trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và làm thủ tục hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Thời gian giải quyết thủ tục Hỗ trợ giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan đến người lao động trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (khi kết thúc vụ việc) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg

a) Sau khi kết thúc vụ việc, người lao động hoặc đại diện nhóm lao động hoặc người được ủy quyền gửi giấy đề nghị hỗ trợ phần kinh phí còn lại (Mẫu theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg) kèm theo 01 bộ hồ sơ chứng minh theo một trong các hình thức: trực tuyến, trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc thông qua doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đưa đi tới Quỹ.

b) Thành phần hồ sơ gồm: Bản sao văn bản thanh lý hợp đồng thuê luật sư, tư vấn pháp lý hoặc giấy đề nghị thanh toán phần chi phí còn lại; bản sao hóa đơn tài chính hoặc biên lai nhận tiền, biên lai án phí.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và làm thủ tục hỗ trợ chi phí còn lại cho người lao động. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thời gian giải quyết thủ tục Hỗ trợ thân nhân của người lao động bị chết, mất tích trong thời gian làm việc ở nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg

Trong thời gian 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và thực hiện hỗ trợ cho thân nhân người lao động. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thời gian giải quyết thủ tục Hỗ trợ cho doanh nghiệp trong các trường hợp: khai thác, phát triển và ổn định thị trường lao động ngoài nước; giải quyết rủi ro liên quan đến người lao động; đưa thi hài, di hài của người lao động bị chết về nước

a) Trường hợp Hỗ trợ khai thác, phát triển và ổn định thị trường lao động ngoài nước quy định tại khoản 3 Điều 17 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg, trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và làm thủ tục hỗ trợ, trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp Hỗ trợ giải quyết rủi ro liên quan đến người lao động quy định tại khoản 3 Điều 18 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg, trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và làm thủ tục hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp hỗ trợ doanh nghiệp chi phí đưa thi hài, di hài của người lao động bị chết về nước quy định tại khoản 3 Điều 19 Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg, trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Quỹ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và làm thủ tục hỗ trợ, trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

II. LĨNH VỰC LƯU TRỮ

Thời hạn giải quyết thủ tục sử dụng tài liệu lưu trữ dự phòng quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định 113/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản/đơn đề nghị sử dụng tài liệu lưu trữ dự phòng của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng phải cung cấp bản sao tài liệu lưu trữ dự phòng theo quy trình nghiệp vụ của cơ quan quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng.

Trường hợp từ chối cung cấp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản/đơn đề nghị, cơ quan quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng có văn bản thông báo nêu rõ lý do; gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân để biết.

III. LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Thời hạn giải quyết thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện lao động, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động (Nghị định số 44/2016/NĐ-CP), cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định điều kiện và cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Đối với thành phần hồ sơ “bản gốc chứng chỉ đã được cấp” quy định điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được thay thế bằng “bản sao chứng chỉ đã được cấp” khi thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

3. Thời hạn đề nghị áp dụng mức đóng thấp hơn mức đóng bình thường vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 58/2020/NĐ-CP quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Nghị định số 58/2020/NĐ-CP)

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người sử dụng lao động, Bộ Nội vụ có trách nhiệm triển khai các công việc sau:

a) Gửi văn bản đến Sở Nội vụ đề nghị đánh giá về tình hình chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2020/NĐ-CP.

b) Thực hiện đăng tải thông tin của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ để lấy ý kiến rộng rãi trong vòng ít nhất 05 ngày.

c) Tổ chức thẩm định, quyết định việc áp dụng mức đóng mới thấp hơn mức đóng bình thường vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2020/NĐ-CP; gửi hoặc trả kết quả trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính cho doanh nghiệp và cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức thực hiện.

d) Trường hợp không đủ điều kiện áp dụng mức đóng thấp hơn mức đóng bình thường thì phải trả lời cho người sử dụng lao động và nêu rõ lý do.

IV. LĨNH VỰC VIỆC LÀM

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam quy định tại Điều 15 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)

a) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.

b) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.

c) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.

Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.

d) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.

Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.

đ) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là một trong các giấy tờ sau:

đ1) Một trong các giấy tờ quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 8 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP;

đ2) Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP kèm theo văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài

sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 13 Điều 7 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam quy định tại Điều 27 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP

a) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.

b) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.

c) 02 ảnh màu hoặc file ảnh trong trường hợp nộp trực tuyến (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).

Trường hợp khai thác được thông tin về ảnh trong cơ sở dữ liệu dùng chung, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.

d) Bản sao giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.

Trường hợp khai thác được thông tin về giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.

đ) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.

Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.

đ) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP, là một trong các giấy tờ sau:

đ1) Một trong các giấy tờ quy định tại điểm b, d, đ và e khoản 6 Điều 18 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP;

đ2) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt

Nam đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP;

đ3) Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.

V. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

1. Quy trình thực hiện thủ tục Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình quy định tại khoản 2 Điều 114 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (Nghị định số 131/2021/NĐ-CP)

Trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Cục Người có công quản lý:

a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 23 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

b) Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trong thời gian 03 ngày làm việc có văn bản gửi Cục Người có công.

c) Cục Người có công trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định đưa người có công về gia đình theo Mẫu số 71 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

d) Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Cục Người có công, có trách nhiệm tổ chức đưa người có công về gia đình.

2. Quy trình thực hiện thủ tục Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ đối với Người khi hy sinh không thuộc Quân đội, Công an được thực hiện như sau:

a1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh có trách nhiệm xác lập, hoàn thiện các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại các khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

a2) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại các khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo Mẫu số 34 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận hy sinh, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

a3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh; có văn bản kèm theo các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP chuyển đến Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

c) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

3. Hồ sơ, thủ tục cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với trường hợp đã được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Thân nhân liệt sĩ hoặc đại diện gia đình họ tộc của liệt sĩ làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (kèm theo bằng cũ nếu còn).

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ.

c) Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liệt sĩ, lập danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ghi đầy đủ, chính xác các thông tin theo giấy báo tử của liệt sĩ hoặc giấy chứng nhận hy sinh đối với những trường hợp đủ điều kiện và có văn bản trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.2 Nghị quyết này gửi Bộ Nội vụ.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp lại, gửi Bằng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

d) Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ do Sở Nội vụ đề nghị kèm danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách; lập tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”, phối Bằng “Tổ quốc ghi công”, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”, đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định và Bằng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm gửi về Sở Nội vụ nơi đề nghị.

4. Hồ sơ, thủ tục cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với trường hợp cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Thân nhân liệt sĩ hoặc đại diện gia đình họ tộc của liệt sĩ làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (kèm theo bằng cũ nếu còn).

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ.

c) Sở Nội vụ có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liệt sĩ, lập danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ghi đầy đủ, chính xác các thông tin theo giấy báo tử của liệt sĩ hoặc giấy chứng nhận hy sinh đối với những trường hợp đủ điều kiện và có văn bản trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.2 Nghị quyết này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp lại, gửi Bằng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ do Sở Nội vụ đề nghị kèm danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách; lập tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”, phôi Bằng “Tổ quốc ghi công”, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”, đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận Quyết định và Bằng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm gửi về Sở Nội vụ nơi đề nghị.

5. Hồ sơ, thủ tục công nhận đối với người hy sinh hoặc mất tích thuộc quân đội, công an quy định tại Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Đại diện gia đình, họ tộc người hy sinh hoặc mất tích có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh, mất tích thường trú ngay trước khi tham gia quân đội, công an (trường hợp người hy sinh hoặc mất tích thường trú ở nước ngoài ngay trước khi tham gia quân đội, công an hoặc không xác định được nơi người hy sinh hoặc mất tích thường trú trước khi tham gia quân đội, công an thì đại diện gia đình, họ tộc người hy sinh hoặc mất tích có trách nhiệm gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú) các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

b1) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại điểm a khoản này, xác nhận bản khai; trường hợp người hy sinh đã được chính quyền và nhân dân đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ, có văn bản đề nghị Sở Nội vụ nơi quản lý mộ cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ; niêm yết công khai danh sách tại thôn, xã; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân. Thời hạn niêm yết thông báo tối thiểu là 30 ngày. Lập biên bản kết quả niêm yết công khai.

b2) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai, tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản họp xác nhận người có công theo Mẫu số 79 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Hội đồng xác nhận người có công cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch hội đồng; các thành viên gồm: đại diện Phòng Văn hóa - Xã hội; quân sự, công an, y tế; đại diện Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; Hội Cựu thanh niên xung phong (nếu có).

b3) Gửi biên bản họp Hội đồng đề nghị xác nhận liệt sĩ, biên bản niêm yết công khai, kèm theo giấy tờ, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số

131/2021/NĐ-CP đến Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với người hy sinh, mất tích thuộc quân đội) hoặc Công an cấp tỉnh (đối với người hy sinh, mất tích thuộc công an).

c) Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu quản lý mộ liệt sĩ của địa phương để cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ theo Mẫu số 48 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; tra cứu cơ sở dữ liệu người có công và có văn bản thông báo nếu trường hợp đề nghị đã được công nhận liệt sĩ.

d) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm:

d1) Hướng dẫn về quy trình tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ; quy định thẩm quyền cấp chứng nhận hy sinh; lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến.

d2) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng "Tổ quốc ghi công" đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

đ) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm thông báo cho thân nhân liệt sĩ (nếu có), người lập bản khai đề nghị; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho thân nhân liệt sĩ hoặc người lập bản khai đề nghị; chuyển hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ địa phương nơi lập hồ sơ.

6. Hồ sơ, thủ tục công nhận đối với người hy sinh hoặc mất tích không thuộc quân đội, công an quy định tại Điều 75 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Đại diện gia đình, họ tộc người hy sinh hoặc mất tích có trách nhiệm gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh, mất tích thường trú ngay trước khi tham gia cách mạng có trách nhiệm sau:

b1) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại điểm a khoản này, xác nhận bản khai; trường hợp người hy sinh đã được chính quyền và nhân dân đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ, có văn bản đề nghị Sở Nội vụ nơi quản lý mộ cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ; niêm yết công khai danh sách tại thôn, xã; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa

phương để lấy ý kiến của nhân dân. Thời hạn niêm yết thông báo tối thiểu là 30 ngày. Lập biên bản kết quả niêm yết công khai.

b2) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản họp xác nhận người có công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận hy sinh đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì chuyển hồ sơ đến Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp người hy sinh là Thanh niên xung phong, nếu thuộc Bộ Xây dựng quản lý thì chuyển hồ sơ đến Bộ Xây dựng để cấp giấy chứng nhận hy sinh, nếu thuộc các cơ quan, đơn vị khác quản lý thì chuyển đến Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền.

c) Sở Nội vụ:

c1) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu quản lý mộ liệt sĩ của địa phương để cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ theo Mẫu số 48 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; tra cứu cơ sở dữ liệu người có công và có văn bản thông báo nếu trường hợp đề nghị đã được công nhận liệt sĩ.

c2) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, có trách nhiệm kiểm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c3) Tiếp nhận hồ sơ liệt sĩ để quản lý và giải quyết chế độ ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

d) Bộ trưởng hoặc cấp tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

d1) Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

d2) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

đ) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

7. Quy trình thực hiện thủ tục Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý quy định tại Điều 113 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 30 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 22 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia kèm bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, xác nhận đơn đề nghị, nếu đủ điều kiện thì có văn bản kèm các giấy tờ gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ người có công.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định tiếp nhận theo Mẫu số 71 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp đề nghị vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý hoặc có văn bản đề nghị Cục Người có công xem xét, tiếp nhận đối với trường hợp đề nghị vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do Cục quản lý.

d) Cục Người có công trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định tiếp nhận theo Mẫu số 71 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

đ) Trường hợp đặc biệt, người có công hoặc thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng quy định tại Điều 111 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP sống cô đơn thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý trung tâm nuôi dưỡng xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể trong thời gian không quá 03 ngày làm việc.

8. Quy trình thực hiện thủ tục Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và hồ sơ đúng quy định thì có văn bản kèm hồ sơ và bản sao y danh sách chi trả trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

d) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

9. Hồ sơ, thủ tục thực hiện thủ tục Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân đang giữ bản gốc Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh, làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy

tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh thường trú trước khi tham gia cách mạng hoặc nhập ngũ trong thời hạn 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình kèm theo các giấy tờ quy định khoản 2 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

Trường hợp bằng gốc không thể hiện được thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh thường trú trước khi tham gia cách mạng hoặc nhập ngũ có trách nhiệm niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến Nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 20 ngày làm việc và lập biên bản kết quả niêm yết công khai. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản họp xét duyệt và có văn bản đề nghị kèm biên bản kết quả niêm yết công khai và biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã gửi Sở Nội vụ kèm bằng gốc.

c) Sở Nội vụ có trách nhiệm:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, lập danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với những trường hợp đủ căn cứ và có văn bản trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.2 Nghị quyết này gửi Bộ Nội vụ kèm theo bằng gốc; trường hợp bằng gốc không thể hiện được thông tin làm căn cứ để cấp đổi do mờ chữ thì Sở Nội vụ có văn bản gửi cơ quan chức năng đề nghị trưng cầu giám định.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả giám định, nếu có đủ căn cứ thì Sở Nội vụ có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ kèm theo bằng gốc và kết quả giám định.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp đổi có trách nhiệm cho số quản lý, lập trích lục hồ sơ liệt sĩ, lưu giữ bằng cũ và các giấy tờ liên quan trong hồ sơ, gửi Bằng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

d) Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ do Sở Nội vụ đề nghị kèm danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách; lập tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”, phôi Bằng “Tổ quốc ghi công”, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”, đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận Quyết định và Bảng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm gửi về Sở Nội vụ nơi đề nghị.

10. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng (cấp tỉnh) quy định tại Điều 7, Điều 12 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 quy định tại Điều 7 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a.1) Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a.2) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại điểm a1 khoản này, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a.3) Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

a.4) Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 quy định tại Điều 12 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b.1) Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 10 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b.2) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định tại điểm b1 khoản này, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b.3) Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

b.4) Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

11. Quy trình thực hiện thủ tục Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng quy định tại Điều 166 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản giám định y khoa nếu không đồng ý phải có đơn đề nghị khám giám định phúc quyết kèm bản sao được chứng thực từ biên bản khám giám định y khoa gửi: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh đã khám giám định cho đối tượng hoặc Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các bộ đã khám giám định cho đối tượng. Quá thời gian trên nêu trên, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các cấp và các cơ quan có thẩm quyền không xem xét, giải quyết.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn có văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 166 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và hồ sơ đề nghị khám giám định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền gửi cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương.

c) Cơ quan thường trực và Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và gửi biên bản giám định y khoa phúc quyết đến cá nhân có đơn đề nghị, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh và cơ quan thực hiện chế độ ưu đãi để xem xét, giải quyết chế độ. Trường hợp quá thời gian trên chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

d) Cơ quan thường trực và Hội đồng giám định y khoa các bộ thực hiện khám giám định phúc quyết đối với trường hợp người khi bị thương, bị bệnh thuộc quân đội, công an quản lý hoặc đang tại ngũ, công tác trong quân đội, công an. Thời gian xem xét, giải quyết, tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa không quá 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

12. Quy trình thực hiện thủ tục Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng quy định tại Điều 167 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản giám định y khoa nếu không đồng ý phải có đơn đề nghị khám giám định phúc quyết lần cuối kèm bản sao được chứng thực từ biên bản khám giám định y khoa gửi: cơ quan

thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương đã khám giám định cho đối tượng hoặc cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các Bộ đã khám giám định phúc quyết cho đối tượng. Quá thời gian trên nêu trên, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương, các bộ và các cơ quan có thẩm quyền không xem xét, giải quyết.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa đã khám cho đối tượng trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn có văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết lần cuối kèm theo các giấy tờ quy định tại điểm a khoản này và bản sao hồ sơ đề nghị khám giám định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền gửi Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

c) Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết lần cuối báo cáo và trình Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối.

d) Cơ quan thường trực và Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quyết định thành lập Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và gửi biên bản giám định y khoa phúc quyết lần cuối đến cá nhân có đơn đề nghị, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh và cơ quan thực hiện chế độ ưu đãi để xem xét, giải quyết chế độ. Trường hợp chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

13. Quy trình thực hiện thủ tục Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác quy định tại Điều 27 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công cộng hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp tuất hàng tháng đối với vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác theo Mẫu số 54 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ của liệt sĩ do địa phương khác quản lý thì Sở Nội vụ nơi thường trú có văn bản đề nghị Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc cung cấp bản trích lục hồ sơ liệt sĩ kèm văn bản xác nhận chưa giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi.

c) Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, có trách nhiệm cung cấp bản trích lục hồ sơ liệt sĩ theo Mẫu số 95 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm văn bản xác nhận chưa giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi.

14. Quy trình thực hiện thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ quy định tại Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm văn bản ủy quyền của những người quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ của liệt sĩ đang quản lý, ban hành quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ theo Mẫu số 55 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Quyết định này được thực hiện liên tục nếu không có sự thay đổi về người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc về mức trợ cấp. Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ được hưởng trợ cấp hằng năm kể từ năm Sở Nội vụ ban hành quyết định.

Trường hợp hồ sơ gốc của liệt sĩ do địa phương khác quản lý thì Sở Nội vụ có văn bản đề nghị nơi quản lý hồ sơ thực hiện di chuyển hồ sơ liệt sĩ kèm văn bản xác nhận chưa được giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

15. Quy trình thực hiện thủ tục Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” Điều 30 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 10 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao được chứng thực từ quyết định tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản khai của cá nhân có trách nhiệm xác nhận bản khai và lập danh sách kèm theo các giấy tờ nêu trên gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp, phụ cấp theo Mẫu số 57 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

16. Quy trình thực hiện thủ tục Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh quy định tại Điều 43 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi đang thường trú hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ đang quản lý để ban hành quyết định hưởng thêm chế độ trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 62 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Trợ cấp, phụ cấp đối với thương binh được xác định theo biên bản giám định thương tật cuối cùng.

17. Quy trình thực hiện thủ tục Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý quy định tại Điều 90 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 26 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a.1) Cá nhân có đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm giấy khám và chỉ định việc sử dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng do bệnh viện cấp tỉnh trở lên cấp (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo Mẫu số 40 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

a.2) Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý có trách nhiệm:

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 90 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có trách nhiệm kiểm tra, gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ kèm văn bản đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cấp tiền của Sở Nội vụ, có trách nhiệm chi cho người được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng. Đồng thời cập nhật danh sách quản lý người được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

- Hằng năm, lập và phê duyệt danh sách người đến niên hạn được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng theo Mẫu số 89 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Tổ chức chi trả tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

a.3) Sở Nội vụ có trách nhiệm:

Đối với trường hợp đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng lần đầu, trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy tờ có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, ban hành quyết định cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng theo Mẫu số 69 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, chuyển về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công. Đồng thời cập nhật danh sách quản lý người được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

Hàng năm, trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, phê duyệt danh sách và gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng để thực hiện.

18. Quy trình thực hiện thủ tục Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Nội vụ quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ quy định tại Điều 115 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận đơn đề nghị, lập danh sách kèm đơn gửi cơ quan quản lý hồ sơ.

c) Cơ quan quản lý hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ người có công để cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận.

19. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học quy định tại Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 13 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp đủ điều kiện gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh kèm bản sao giấy tờ ghi nhận mắc bệnh.

Trường hợp người hoạt động kháng chiến không mắc bệnh quy định tại điểm a khoản 3 Điều 53 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP mà sinh con dị dạng, dị tật quy định tại điểm b khoản 3 Điều 53 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp bệnh binh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì Sở Nội vụ cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh để khám giám định tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

d) Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Nội vụ.

đ) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

20. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ mà bố (mẹ) chưa được công nhận là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học) quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 13 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi đang thường trú hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai và lập danh sách gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, đối chiếu dị dạng dị tật của con ghi trong các giấy tờ: văn bản của Trạm trưởng trạm y tế xã, trung tâm y tế hoặc bệnh viện đa khoa cấp huyện; biên bản họp và đề nghị của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã; giấy xác nhận tình trạng dị dạng, dị tật của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Biên bản giám định y khoa đang lưu trong hồ sơ với danh mục dị dạng, dị tật theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ có giấy tờ đúng quy định, tình trạng dị dạng, dị tật của con đẻ đúng theo danh mục theo quy định tại Mục III Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP thì Sở Nội vụ có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy nhận

chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp còn vướng mắc về tình trạng dị dạng, dị tật, nếu con đẻ còn sống thì Sở Nội vụ cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh. Trong thời gian 40 ngày kể từ ngày nhận được giấy giới thiệu, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, kết luận tình trạng bị dị dạng, dị tật theo quy định tại Mục III Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Sở Nội vụ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản giám định y khoa thì Sở Nội vụ có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định cấp giấy nhận chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

21. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (trường hợp người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc chồng nhưng không có con đẻ) quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 13 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản khai, có trách nhiệm xác nhận bản khai, cấp giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ, lập danh sách những trường hợp đủ giấy tờ gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

22. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học quy định tại Điều 57 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 14 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật lập bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công cộng hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách kèm giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy giới thiệu những trường hợp đủ điều kiện gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao giấy tờ ghi nhận bị dị dạng, dị tật.

d) Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Sở Nội vụ.

đ) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo Mẫu số 65 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

23. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày quy định tại Điều 62 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 15 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ quy định tại Điều 60 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công cộng hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách những trường hợp đủ điều kiện kèm giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định công nhận và trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 66 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

24. Quy trình thực hiện thủ tục Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế quy định tại Điều 66 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai, lập danh sách gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 67 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

25. Quy trình thực hiện thủ tục Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại Điều 69 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 17 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ quy định tại Điều 68 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai, lập danh sách gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 67 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

26. Quy trình thực hiện thủ tục Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an quy định tại Điều 32 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 11 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu anh hùng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng gửi đến Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xác nhận bản khai, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 58 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

27. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại Điều 39 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, điều 12 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người bị thương có trách nhiệm xác lập, hoàn thiện các giấy tờ theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 36 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận bị thương theo Mẫu số 35 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người bị thương thường trú.

c) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và cấp giấy giới thiệu đối với trường hợp đủ điều kiện theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo bản sao giấy chứng nhận bị thương gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

d) Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trong thời gian 40 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định thương tật, gửi biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Nội vụ.

đ) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm:

Ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 59 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần theo Mẫu số 61 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 5% đến 20%. Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng là: cụt hoặc liệt hoàn toàn hai chi trở lên; mù hoàn toàn hai mắt; tâm thần nặng dẫn đến không tự lực được trong sinh hoạt thì được hưởng phụ cấp đặc biệt hằng tháng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh ưu đãi người có

công với cách mạng. Đồng thời cấp giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

28. Quy trình thực hiện thủ tục Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an quy định tại Điều 42 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và cấp giấy giới thiệu đối với trường hợp đủ điều kiện theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản trích lục hồ sơ thương binh, bản sao chứng nhận bị thương gửi đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

c) Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định thương tật, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ. Trường hợp chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

d) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 60 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP hoặc quyết định cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 59 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời sau khi giám định lại có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên. Đồng thời cấp giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

29. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an được quy định tại Điều 81 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Điều 24, mục 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 129/2025/NĐ-CP

a) Người bị thương lập bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo giấy tờ chứng minh quá trình tham gia cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, nộp trực tiếp đến Trung

tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và tùy từng trường hợp kèm theo một trong các giấy tờ sau:

a1) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo giấy tờ, tài liệu chứng minh bị thương.

a2) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP thì kèm theo kết quả chụp phim và kết luận của của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). Nếu đã phẫu thuật lấy mảnh kim khí thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

b1) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, xác nhận bản khai, niêm yết công khai danh sách tại thôn, xã nơi người bị thương thường trú trước khi bị thương; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân. Thời hạn niêm yết thông báo tối thiểu là 30 ngày. Lập biên bản kết quả niêm yết công khai.

b2) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản theo Mẫu số 79 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b3) Trường hợp người bị thương trước khi tham gia cách mạng thường trú ở địa phương khác thì trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại điểm a khoản này, có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thương thường trú trước khi tham gia cách mạng thực hiện các thủ tục quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 81 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b4) Giao cơ sở y tế kiểm tra vết thương thực thể và lập biên bản theo Mẫu số 46 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP không ghi nhận các vết thương cụ thể hoặc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định 131/2021/NĐ-CP mà có khai thêm các vết thương khác.

b5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thương thường trú cấp giấy chứng nhận bị thương đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Nội vụ để thẩm định.

b6) Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 hoặc 4 Điều 36 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Người bị thương là Thanh niên xung phong nếu thuộc Bộ Xây dựng quản lý thì chuyển hồ sơ đến Bộ Xây dựng để cấp giấy chứng nhận bị thương. Người bị thương là Thanh

niên xung phong nếu thuộc các cơ quan, đơn vị khác quản lý thì chuyển đến Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận bị thương.

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, cấp giấy chứng nhận bị thương và chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ nơi người bị thương thường trú.

d) Sở Nội vụ có trách nhiệm sau:

d1) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao giấy chứng nhận bị thương gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

d2) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 59 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần theo quy định tại Mẫu số 61 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

đ) Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Nội vụ.

30. Quy trình thực hiện thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng (cấp Bộ) quy định tại Điều 7, Điều 12 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a) Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 quy định tại Điều 7 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

a.1) Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a.2) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại điểm a.1 khoản này, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a.3) Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

a.4) Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 quy định tại Điều 12 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b.1) Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 10 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b.2) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định tại điểm b.1 khoản này, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b.3) Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

b.4) Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

31. Quy trình thực hiện thủ tục Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ quy định tại Điều 41 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a) Thương binh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Sở Nội vụ nơi thường trú trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ nêu trên có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ đang lưu tại Sở, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản trích lục hồ sơ thương binh, bản sao giấy chứng nhận bị thương hoặc bản sao phiếu thương tật trong trường hợp không còn giấy chứng nhận bị thương

gửi đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

c) Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ. Trường hợp chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

d) Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 60 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

32. Căn cứ, hồ sơ, thủ tục cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước quy định tại Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a) Căn cứ để cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

a.1) Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; Phiếu điều chỉnh trợ cấp; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

a.2) Có giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản này và có:

Một trong các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận là liệt sĩ, hy sinh; trường hợp có tên trong danh sách, sổ quản lý liệt sĩ không có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị tại thời điểm lập, ghi sổ nhưng đang do cơ quan chức năng địa phương quản lý thì cơ quan đang quản lý, lưu trữ tập hợp, chốt số lượng người từng trang; ghi tổng số trang, tổng số người tại trang cuối cùng và ký, đóng dấu. Thời gian hoàn thành trước 01 tháng 3 năm 2027.

a.3) Có giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản này và có một trong các giấy tờ: giấy báo tử, giấy báo tử trận, giấy chứng nhận hy sinh hoặc có hồ sơ đang lưu tại Sở Nội vụ.

a.4) Có giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản này và có giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh liệt sĩ từ cấp xã trở lên kèm theo các giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc xác nhận để khắc bia của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia ghi danh liệt sĩ.

b. Hồ sơ, thủ tục đối với trường hợp quy định tại điểm a.1 khoản này như sau:

b.1) Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo một trong các giấy tờ quy định điểm a.1 khoản này (nếu có), nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ

hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công cộng hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b.2) Sở Nội vụ nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý; trường hợp có một trong các giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản này và không thuộc các trường hợp bị chậm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, thì thực hiện như sau:

Lập danh sách kèm bản sao giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản này chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi để niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày.

Có văn bản kèm bản sao các giấy tờ sau: giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản này, các giấy tờ của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP để cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ khi hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền (Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với quân nhân, Công an cấp tỉnh đối với công an, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dân quân du kích hoặc cán bộ dân chính đảng).

Thành phần Hội đồng xác minh bao gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh, đại diện các sở, ngành, hội có liên quan.

b.3) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận danh sách và bản sao các giấy tờ do Sở Nội vụ chuyển đến, có trách nhiệm niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày và lập biên bản kết quả niêm yết công khai. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản họp xét duyệt và có văn bản đề nghị kèm biên bản kết quả niêm yết công khai và biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã gửi Sở Nội vụ.

Hội đồng xác nhận người có công cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch hội đồng; các thành viên gồm: đại diện Phòng Văn hóa - Xã hội; quân sự, công

an, y tế; đại diện Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; Hội Cựu thanh niên xung phong (nếu có).

b.4) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" .

b.5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng "Tổ quốc ghi công" trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng "Tổ quốc ghi công", chuyển hồ sơ kèm Bằng "Tổ quốc ghi công" đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

b.6) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng "Tổ quốc ghi công" kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng "Tổ quốc ghi công" cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng "Tổ quốc ghi công" về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

c. Hồ sơ, thủ tục đối với trường hợp quy định tại điểm a.2 khoản này như sau:

c.1) Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại điểm a.2 khoản này gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c.2) Sở Nội vụ nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu có đủ giấy tờ quy định tại điểm a.2 khoản này mà không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 Pháp lệnh thì có văn bản kèm bản sao giấy tờ quy định tại điểm a.2 khoản này gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-

CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP để cấp giấy chứng nhận hy sinh; có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ khi hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền (Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với quân nhân, Công an cấp tỉnh đối với công an, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dân quân du kích hoặc cán bộ dân chính đảng).

c.3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

c.4) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phiê Bằng "Tổ quốc ghi công" trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng "Tổ quốc ghi công", chuyển hồ sơ kèm Bằng "Tổ quốc ghi công" đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

c.5) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng "Tổ quốc ghi công" kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng "Tổ quốc ghi công" cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng "Tổ quốc ghi công" về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

d) Hồ sơ, thủ tục đối với trường hợp quy định tại điểm a.3 khoản này như sau:

d.1) Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy

định tại điểm a.3 khoản này gửi trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

d.2) Sở Nội vụ nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu có đủ giấy tờ quy định tại điểm a.3 khoản này mà không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 Pháp lệnh thì có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d.3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

d.4) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

đ) Hồ sơ, thủ tục đối với trường hợp quy định tại điểm a.4 khoản này như sau:

đ.1) Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại điểm a.4 khoản này gửi trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

đ.2) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm kiểm tra, rà soát tài liệu, bia ghi danh liệt sĩ đang quản lý, nếu đủ căn cứ thì cấp giấy xác nhận có thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh liệt sĩ kèm căn cứ để khắc bia; có văn bản kèm giấy tờ gửi Sở Nội vụ.

Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ đang đặt tại địa phương khác thì có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên

bia ghi danh liệt sĩ kèm căn cứ để khắc bia. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận, có văn bản kèm giấy tờ gửi Sở Nội vụ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận danh sách và bản sao các giấy tờ do Sở Nội vụ chuyên đến, có trách nhiệm niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày và lập biên bản kết quả niêm yết công khai. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản họp xét duyệt và có văn bản đề nghị kèm biên bản kết quả niêm yết công khai và biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã gửi Sở Nội vụ.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia ghi danh liệt sĩ có trách nhiệm cấp giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ nhận được văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận.

đ.3) Sở Nội vụ trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn kèm đầy đủ giấy tờ, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu đủ giấy tờ quy định tại điểm a.4 khoản này mà không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 Pháp lệnh thì thực hiện như sau:

Lập danh sách kèm bản sao giấy tờ quy định tại điểm a.4 khoản này chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị thường trú để niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày.

Có văn bản kèm bản sao các giấy tờ sau: giấy tờ quy định tại điểm a.4 khoản này, các giấy tờ của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP để cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ khi hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền (Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với quân nhân, Công an cấp tỉnh đối với công an, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dân quân du kích hoặc cán bộ dân chính đảng).

đ.4) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

đ.5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, dự thảo Quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phiê Bằng "Tổ quốc ghi công" trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng "Tổ quốc ghi công", chuyển hồ sơ kèm Bằng "Tổ quốc ghi công" đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

đ.6) Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng "Tổ quốc ghi công" kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng "Tổ quốc ghi công" cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng "Tổ quốc ghi công" về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

Mục 2**CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
TRONG LĨNH VỰC , AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tại Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP

1. Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định.

b) Có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

c) Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức có thời gian làm kiểm định viên tối thiểu 02 năm.

2. Các thiết bị, nhân lực nêu tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP chỉ được sử dụng để làm điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với một tổ chức.

Mẫu số 01: Thông báo đáp ứng điều kiện**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v thông báo hoạt động dịch vụ đưa
 người lao động Việt Nam đi làm giúp
 việc gia đình ở nước ngoài

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

I. Thông tin doanh nghiệpTên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt¹:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Email:

Trang thông tin điện tử:

Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước
 ngoài theo hợp đồng: Số.../..... cấp ngày ... tháng ... năm

Thông báo về việc đáp ứng điều kiện hoạt động đưa người lao động Việt Nam
 đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài như sau:

II. Thông tin đáp ứng điều kiện

Doanh nghiệp đã đáp ứng các điều kiện:

a) Có nhân viên của doanh nghiệp thường trực ở nước ngoài có năng lực ngoại
 ngữ phù hợp và kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước
 tiếp nhận:

- Họ và tên:, Ngày sinh:, Số định danh cá nhân:; Vị
 trí nghiệp vụ:; Mã số BHXH:; Ngày bắt đầu tham gia
 BHXH tại doanh nghiệp:; Ngày ký hợp đồng lao động: ...

¹ Ghi bằng chữ in hoa.

-

b) Có nhân viên nghiệp vụ có kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận:

- Họ và tên:, Ngày sinh:, Số định danh cá nhân:; Vị trí nghiệp vụ:; Mã số BHXH:; Ngày bắt đầu tham gia BHXH tại doanh nghiệp:; Ngày ký hợp đồng lao động: ...

-

Công ty cam kết các thông tin đã cung cấp chính xác.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức danh)

Mẫu số 02

SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SNV

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc cấp đổi/cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số ngày .../.../... của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số/ND-CP ngày .../.../... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, Sở Nội vụ báo cáo, trình Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ cấp đổi/cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

1. Văn bản, hồ sơ đề nghị

Sở Nội vụ nhận được văn bản đề nghị cấp đổi/cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” của các địa phương đối với liệt sĩ, cụ thể như sau:

- Các Công văn số .../UBND-..... ngày .../...../..... của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu..... đề nghị cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với liệt sĩ;

- Hồ sơ, giấy tờ đề nghị cấp đổi/cấp lại Bằng theo quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm rà soát, tổng hợp của Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ đã kiểm tra, tổng hợp, lập danh sách và chịu trách nhiệm đối với..... trường hợp đủ điều kiện cấp đổi/cấp lại Bằng theo đúng quy định của pháp luật. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm đối với nội dung trình theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình cấp lại/cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” đảm bảo đúng quy định pháp luật.

(Hồ sơ gửi kèm)

Sở Nội vụ kính trình Bộ Nội vụ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ cấp đổi/cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” .

Nơi nhận

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên